

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: **1316** /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày **11** tháng **10** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (lần 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 -2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 9);*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm
2024 tỉnh Cao Bằng (lần 3);*

*Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm
2024 (lần 1);*

*Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm
2024 (lần 2);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
2825/TTr-SKHĐT ngày 08 tháng 10 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (lần 3) với số vốn tăng thêm là 33.342,464 triệu đồng từ nguồn vốn Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển, cụ thể:

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho 03 dự án với tổng số vốn là: 279,000 triệu đồng.
- Bổ sung vốn cho 09 nhiệm vụ quy hoạch với tổng số vốn là: 28.063,464 triệu đồng
- Bổ sung vốn cho 01 dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2024 với số vốn là: 5.000,000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01 và số 02 kèm theo)

Điều 2: Căn cứ Kế hoạch vốn được giao tại Điều 1 Quyết định này, Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân dân thành phố Cao Bằng khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, đẩy nhanh tiến độ giải ngân; thực hiện công tác thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *đ* *7* *2*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP; CV TH, KT, VX;
- Lưu: VT, TH(Đ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH CAO BẰNG (Lần 3)

(Kèm theo Quyết định số 1316 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
1	2	6	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG (A+B)	4.669.420,464	-	33.342,464	4.702.762,928	
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	3.578.710,000	-	-	3.578.710,000	
I	Vốn ngân sách địa phương	1.011.481,000	-	-	1.011.481,000	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	797.981,000			797.981,000	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	200.000,000			200.000,000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.500,000			13.500,000	
II	Vốn ngân sách trung ương	2.567.229,000	-	-	2.567.229,000	
1	Vốn trong nước	2.525.999,000	-	-	2.525.999,000	
1.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.254.320,000			1.254.320,000	
	Trong đó: Dự án đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	674.117,000			674.117,000	
1.2	Vốn đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.271.679,000			1.271.679,000	
2	Vốn nước ngoài	41.230,000	-	-	41.230,000	
	Phân bổ chi tiết	23.180,000			23.180,000	
	Chưa đủ điều kiện phân bổ	18.050,000			18.050,000	
B	TỈNH BỔ SUNG	1.090.710,464	-	33.342,464	1.124.052,928	
I	VỐN NƯỚC NGOÀI VAY LẠI TỪ CHÍNH PHỦ	4.100,000	-	-	4.100,000	
	Phân bổ chi tiết	2.576,000			2.576,000	
	Chưa đủ điều kiện phân bổ	1.524,000			1.524,000	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC	193.093,136	-	-	193.093,136	
1	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất)	149.130,600			149.130,600	
2	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	4.862,536			4.862,536	
3	Nguồn thu hợp pháp khác	39.100,000			39.100,000	
III	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	893.517,328		33.342,464	926.859,792	

GIAO BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (LẦN 3) NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ						338.850,464	66.442,464	15.000,000	5.000,000	338.850,464	66.442,464	22.225,000	-	-	33.342,464	55.567,464	33.342,464	
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						5.990,000	5.990,000	-	-	5.990,000	5.990,000	-	-	-	190,000	190,000	190,000	
(I)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư						5.990,000	5.990,000	-	-	5.990,000	5.990,000	-	-	-	190,000	190,000	190,000	
	Dự án nhóm C																		
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng		TPCB		2024-2026	46/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	3.000,000	3.000,000	-	-	3.000,000	3.000,000	-	-		100,000	100,000	100,000	
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng		TPCB		2024-2026	47/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	2.990,000	2.990,000			2.990,000	2.990,000				90,000	90,000	90,000	
II	Các hoạt động kinh tế						50.677,464	50.452,464	-	-	50.677,464	50.452,464	225,000	-	-	28.152,464	28.377,464	28.152,464	
II.1	Giao thông						22.389,000	22.389,000	-	-	22.389,000	22.389,000	-	-	-	89,000	89,000	89,000	
(I)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư						22.389,000	22.389,000	-	-	22.389,000	22.389,000	-	-	-	89,000	89,000	89,000	
	Dự án nhóm C																		
1	Đường nhánh từ nút giao N5 đến Trung tâm Chỉ huy Công an tỉnh		TPCB		2024-2026	65/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	22.389,000	22.389,000	-	-	22.389,000	22.389,000	-	-		89,000	89,000	89,000	
II.2	Quy hoạch						28.288,464	28.063,464	-	-	28.288,464	28.063,464	225,000	-	-	28.063,464	28.288,464	28.063,464	
1	Quy hoạch phân khu phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1005/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.593,360	2.568,360	-	-	2.593,360	2.568,360	25,000	-		2.568,360	2.593,360	2.568,360	
2	Quy hoạch phân khu phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1004/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	4.380,896	4.355,896	-	-	4.380,896	4.355,896	25,000	-		4.355,896	4.380,896	4.355,896	
3	Quy hoạch phân khu phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1000/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	1.208,084	1.183,084	-	-	1.208,084	1.183,084	25,000	-		1.183,084	1.208,084	1.183,084	
4	Quy hoạch phân khu phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1006/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	3.158,622	3.133,622	-	-	3.158,622	3.133,622	25,000	-		3.133,622	3.158,622	3.133,622	
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1008/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.363,965	2.338,965	-	-	2.363,965	2.338,965	25,000	-		2.338,965	2.363,965	2.338,965	
6	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1003/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.951,222	2.926,222	-	-	2.951,222	2.926,222	25,000	-		2.926,222	2.951,222	2.926,222	
7	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1007/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.161,390	2.136,390	-	-	2.161,390	2.136,390	25,000	-		2.136,390	2.161,390	2.136,390	
8	Quy hoạch phân khu xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1002/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	4.132,128	4.107,128	-	-	4.132,128	4.107,128	25,000	-		4.107,128	4.132,128	4.107,128	
9	Quy hoạch phân khu xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1001/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	5.338,797	5.313,797	-	-	5.338,797	5.313,797	25,000	-		5.313,797	5.338,797	5.313,797	
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000	-	-	5.000,000	27.000,000	5.000,000	
III.1	Các công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới						282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000	-	-	5.000,000	27.000,000	5.000,000	
(I)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024																		
I	Dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		TPCB		2022-2024	12/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; 182/QĐ-UBND ngày 24/2/2023 ; 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 978/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000	-		5.000,000	27.000,000	5.000,000	

GIAO BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (LẦN 3) NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Quyết định số 1316 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng) *Handwritten signature*

Giao: Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng

Đơn vị: Triệu đồng																						
TT	Danh mục dự án	Quy mô dự án (Theo TMDT)	Kiểu dự án (CT,HT,KC M...)	Mã dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN	Giảm (-)	Tăng (+)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSNN													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
	TỔNG SỐ							28.379,000	28.379,000	-	-	28.379,000	28.379,000	-	-	-	279,000	279,000	279,000			
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội							5.990,000	5.990,000	-	-	5.990,000	5.990,000	-	-	-	190,000	190,000	190,000			
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng	C	Chuẩn bị đầu tư		TP Cao Bằng	2024-2026	46/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	3.000,000	3.000,000	-	-	3.000,000	3.000,000	-	-		100,000	100,000	100,000			
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng	C	Chuẩn bị đầu tư		TP Cao Bằng	2024-2026	47/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	2.990,000	2.990,000			2.990,000	2.990,000				90,000	90,000	90,000			
II	Các hoạt động kinh tế							22.389,000	22.389,000	-	-	22.389,000	22.389,000	-	-	-	89,000	89,000	89,000			
II.1	Giao thông							22.389,000	22.389,000	-	-	22.389,000	22.389,000	-	-	-	89,000	89,000	89,000			
1	Đường nhánh từ nút giao N5 đến Trung tâm Chi huy Công an tỉnh	C	Chuẩn bị đầu tư		TP Cao Bằng	2024-2026	65/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	22.389,000	22.389,000	-	-	22.389,000	22.389,000	-	-		89,000	89,000	89,000			

GIAO BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (LẦN 3) NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
(Kèm theo Quyết định số ~~1346~~ /QĐ-UBND ngày ~~11~~ tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng) *1346*

Giao: Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quy mô dự án (Theo TMDT)	Kiểu dự án (CT, HT, K, CM...)	Mã dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ							310.471,464	38.063,464	15.000,000	5.000,000	310.471,464	38.063,464	22.225,000	-	-	33.063,464	55.288,464	33.063,464	
I	Các hoạt động kinh tế							28.288,464	28.063,464	-	-	28.288,464	28.063,464	225,000	-	-	28.063,464	28.288,464	28.063,464	
I.1	Quy hoạch							28.288,464	28.063,464	-	-	28.288,464	28.063,464	225,000	-	-	28.063,464	28.288,464	28.063,464	
1	Quy hoạch phân khu phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1005/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.593,360	2.568,360	-	-	2.593,360	2.568,360	25,000	-		2.568,360	2.593,360	2.568,360	
2	Quy hoạch phân khu phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1004/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	4.380,896	4.355,896	-	-	4.380,896	4.355,896	25,000	-		4.355,896	4.380,896	4.355,896	
3	Quy hoạch phân khu phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1000/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	1.208,084	1.183,084	-	-	1.208,084	1.183,084	25,000	-		1.183,084	1.208,084	1.183,084	
4	Quy hoạch phân khu phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1006/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	3.158,622	3.133,622	-	-	3.158,622	3.133,622	25,000	-		3.133,622	3.158,622	3.133,622	
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1008/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.363,965	2.338,965	-	-	2.363,965	2.338,965	25,000	-		2.338,965	2.363,965	2.338,965	
6	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1003/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.951,222	2.926,222	-	-	2.951,222	2.926,222	25,000	-		2.926,222	2.951,222	2.926,222	
7	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1007/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.161,390	2.136,390	-	-	2.161,390	2.136,390	25,000	-		2.136,390	2.161,390	2.136,390	
8	Quy hoạch phân khu xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1002/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	4.132,128	4.107,128	-	-	4.132,128	4.107,128	25,000	-		4.107,128	4.132,128	4.107,128	
9	Quy hoạch phân khu xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000				TP Cao Bằng		1001/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	5.338,797	5.313,797	-	-	5.338,797	5.313,797	25,000	-		5.313,797	5.338,797	5.313,797	
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật							282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000	-	-	5.000,000	27.000,000	5.000,000	
II.1	Các công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới							282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000	-	-	5.000,000	27.000,000	5.000,000	
I	Dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	B	Dự kiến HT sau 2024	8001668	TP Cao Bằng	2022-2025	12/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; 182/QĐ-UBND ngày 24/2/2023 ; 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 978/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000	-		5.000,000	27.000,000	5.000,000	